

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NHA TRANG  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/8/2022  
V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Liễu**

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

**1. Ông Lưu Văn Có,**

**2. Bà Võ Thị Bồi.**

**- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 700/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Xuân H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Thái T, xã Vĩnh T, Nha T.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Thái T, xã Vĩnh T, Nha T.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 24/5/2022, các bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn – bà Mai Thị Xuân H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T, Nha T. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng không hợp nhau, hay xảy ra kinh cãi, mâu thuẫn kéo dài nên đã sống ly thân từ nhiều năm rồi. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Toàn.

\* Theo bản tự khai ngày 11/6/2022, bị đơn – ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà Mai Thị Xuân H tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T, Nha T vào năm 2006. Ông đồng ý ly hôn và giao hai con chung cho bà H nuôi dưỡng.

**Về con chung:** Bà Mai Thị Xuân H và ông Nguyễn Văn T đều xác nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/8/2006 và Nguyễn Mai Phương Q, sinh ngày 26/11/2010. Hiện 02 cháu đang sống chung với mẹ. Bà H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung, nợ chung:** Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Bà Mai Thị Xuân H và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Nha T, tỉnh Khánh H. Do trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên dẫn đến việc bà H xin ly hôn. Xét việc ly hôn của bà H là đúng pháp luật, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có ý kiến xin giải quyết vụ án vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Mai Thị Xuân H và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T, Nha T vào năm 2006 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 34, cấp ngày 06/7/2006). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà H yêu cầu ly hôn vì quá trình chung sống với nhau vợ chồng không hợp nhau, hay xảy ra kinh cãi, mâu thuẫn kéo dài nên đã sống ly thân từ nhiều năm rồi. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng bà H ông T trên thực tế đã sống ly thân từ nhiều năm nên vợ chồng không có cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**[2.2] Về con chung:** Bà Mai Thị Xuân H và ông Nguyễn Văn T đều xác nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/8/2006 và Nguyễn Mai Phương Q, sinh ngày 26/11/2010. Hiện 02 cháu đang sống chung với mẹ. Bà H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung cho bà Mai Thị Xuân H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của bà H cũng

như nguyện vọng của các cháu. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** Các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.3] Về án phí:** Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*\* Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định:* Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: Giao 02 con chung cho bà Mai Thị Xuân H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Mai Thị Xuân H được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

**[2] Về con chung:** Giao 02 con chung tên là Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/8/2006 và Nguyễn Mai Phương Q, sinh ngày 26/11/2010 cho bà Mai Thị Xuân H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Bà H và ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**[3] Về tài sản chung, nợ chung:** Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4] Về án phí:** Bà Mai Thị Xuân H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền

số AA/2021/0001912 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**[5] Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

\* *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS Nha Trang;
- UBND xã Vĩnh T, Nha T (GCNKH số 34, ngày 06/7/2006);
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Bích Liễu**